

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NỘI VỤ

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

PHÙNG THỊ PHONG LAN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

Chuyên ngành: Quản lý Hành chính công

Mã số: 62 34 82 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CÔNG

HÀ NỘI, 2016

Công trình được hoàn thành tại: HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Người hướng dẫn khoa học: 1: PGS.TS. Hoàng Văn Chức
2: PGS.TS. Ngô Thành Can

Phản biện 1:

.....
.....

Phản biện 2:

.....
.....

Phản biện 3:

.....
.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện

Địa điểm: Phòng bảo vệ luận án tiến sĩ - Phòng họp..... Nhà,
Học viện Hành chính Quốc gia. Số: 77 - Đường Nguyễn Chí Thanh - Quận
Đống Đa - Hà Nội

Thời gian: vào hồi giờ ngày ... tháng Năm

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia Việt Nam hoặc thư viện của
Học viện Hành chính Quốc gia.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta đã và đang nỗ lực nhằm nâng cao đời sống kinh tế- xã hội của đồng bào 53 dân tộc thiểu số trên cả nước, trong đó có giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng. Đây không chỉ là biện pháp nâng cao chất lượng sống cho đồng bào mà còn là con đường phát triển kinh tế- xã hội vững chắc, ổn định cho quốc gia.

Là một trong 6 vùng kinh tế xã hội của nước ta, khu vực miền núi phía Bắc với 14 tỉnh, là nơi tập trung nhiều dân tộc với cộng đồng người dân tộc thiểu số sống xen kẽ. Trong những năm qua, cùng với những sự quan tâm, đầu tư của Đảng và nhà nước về phát triển kinh tế xã hội nói chung, giáo dục phổ thông của vùng cũng được chú trọng đặc biệt. Hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục dân tộc tại khu vực miền núi phía Bắc và đã có tác động mạnh mẽ, tích cực, làm thay đổi căn bản chất lượng dạy và học tại đây theo hướng nâng cao. Giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc mang những đặc điểm của giáo dục phổ thông nói chung nhưng lại có đặc thù riêng do học sinh là người dân tộc thiểu số. Do đó, để đảm bảo quá trình học tập của con em đồng bào dân tộc được thực hiện tốt và hiệu quả, một trong những vấn đề mấu chốt có tính quyết định là công tác quản lý nhà nước về giáo dục dân tộc thiểu số cần phải được coi trọng. Vì vậy, nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc là cần thiết nhằm tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả của quản lý, góp phần thúc đẩy chất lượng giáo dục phổ thông của con em đồng bào dân tộc thiểu số nơi đây nên tác giả lựa chọn: **“Quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc”** để làm định hướng nghiên cứu của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích: Đề tài Luận án có mục đích nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

2.2. Nhiệm vụ

+ Khái quát và làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số.

+ Phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

+ Phân tích thực trạng giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

+ Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Chỉ ra những mặt đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong thực tiễn thực hiện các nội dung đó.

+ Đề xuất một số giải pháp quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: khu vực Miền núi phía Bắc, gồm 14 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Lào Cai, Điện Biên, Phú Thọ, Tuyên Quang.

- Về thời gian: Chủ yếu nghiên cứu các số liệu, tài liệu có liên quan từ năm 2008 (thời điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Phương hướng phát triển Giáo dục dân tộc thiểu số giai đoạn 2008-2020).

- Về nội dung: Nghiên cứu các nội dung quản lý nhà nước về giáo dục theo quy định tại Luật Giáo dục 2005 (sửa đổi một số điều năm 2009). Tuy nhiên, do đặc thù của giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, tác giả chỉ tập trung vào một số nội dung cơ bản, gắn chặt với hoạt động giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số.

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết khoa học của luận án

4.1. Câu hỏi nghiên cứu:

Luận án được tiến hành để trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

- *Câu hỏi nghiên cứu 1:* Hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số có vai trò như thế nào?

- *Câu hỏi nghiên cứu 2:* Quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc được thực hiện như thế nào?

- *Câu hỏi nghiên cứu 3:* Làm thế nào để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc?

4.2. Giả thuyết khoa học

Luận án được tiến hành để chứng minh các giả thuyết khoa học sau đây:

- *Giả thuyết 1:* Quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số là một bộ phận được đặc biệt coi trọng trong quản lý nhà nước về giáo dục và

đào tạo của vùng dân tộc thiểu số, là cơ sở để nâng cao chất lượng giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Dự kiến kết quả nghiên cứu: Trên cơ sở làm sáng tỏ khái niệm, những đặc thù trong quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, Luận án chứng minh vai trò quan trọng của quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số đối với sự phát triển của vùng.

- *Giả thuyết 2*: Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm về phát triển giáo dục cho người dân tộc thiểu số của một số nước trên thế giới cho hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số của mình.

Dự kiến kết quả nghiên cứu: Luận án tìm kiếm những bài học kinh nghiệm quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số thông qua nghiên cứu thực tiễn hoạt động quản lý, xây dựng và thực thi chính sách phát triển giáo dục cho người dân tộc thiểu số tại một số quốc gia.

- *Giả thuyết 3*: Hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam còn nhiều hạn chế. Quản lý nhà nước chưa hiệu quả dẫn tới chất lượng giáo dục của Vùng còn ở mức thấp so với tiềm năng của Vùng cũng như so với một số vùng dân tộc khác trong cả nước.

Dự kiến kết quả nghiên cứu: Qua nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, Luận án đánh giá những mặt đạt được và những mặt còn hạn chế trong hoạt động này, cũng như lý giải được nguyên nhân của những hạn chế đó.

- *Giả thuyết 4*: Nếu thực hiện đồng bộ, thống nhất hệ thống các giải pháp về thể chế, chính sách, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, quản lý nguồn lực đầu tư,... sẽ làm tăng hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc hiện nay.

Dự kiến kết quả nghiên cứu: Trên cơ sở đối chiếu những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc với những chiến lược, mục tiêu phát triển giáo dục phổ thông của Vùng trong thời gian tới, Luận án đề xuất những giải pháp hoàn thiện hoạt động này.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về giáo dục đào tạo cho đồng bào dân tộc thiểu số thời kì đổi mới.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp xã hội học, các phương pháp nghiên cứu bổ trợ khác...

6. Đóng góp mới của Luận án

6.1. Về lý luận

(1) Luận án đã hệ thống hóa, làm sáng tỏ cơ sở lý luận quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số áp dụng trong quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam.

(2) Luận án đưa ra khái niệm *quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số* và luận giải về những điểm đặc thù của hoạt động này mà các nghiên cứu đi trước chưa đề cập hoặc đã đề cập nhưng còn những điểm cần phát triển, bổ sung.

(2) Tổng quan làm rõ kinh nghiệm quản lý nhà nước của một số quốc gia đối với giáo dục dân tộc thiểu số, từ đó rút ra những bài học đối với Việt Nam và vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

6.2. Về thực tiễn

(1) Luận án đã cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn để đưa ra những kiến nghị hoàn thiện hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc theo hướng kết hợp giữa sự đổi mới trong quản lý của nhà nước, sự chủ động tích cực của địa phương, của các cơ sở đào tạo và sự ủng hộ của xã hội đối với phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, trong đó, sự quản lý của nhà nước là nhân tố quyết định.

(2) Luận án đã đề xuất những giải pháp quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng chủ thể quản lý từ cấp trung ương đến cấp địa phương trong một cơ chế phối hợp mang tính chất vùng.

(3) Kết quả nghiên cứu của Luận án có giá trị làm tài liệu tham khảo trong học tập, nghiên cứu giảng dạy và cho các chuyên gia quản lý giáo dục..

7. Kết cấu của Luận án: Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung của Luận án được kết cấu gồm có 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Cơ sở khoa học quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số .

Chương 3: Thực trạng quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc.

Chương 4: Phương hướng và giải pháp quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nhận được sự quan tâm rộng rãi của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài Luận án tập trung vào 4 nhóm nghiên cứu sau:

- Các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với giáo dục phổ thông
- Các nghiên cứu về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số
- Các nghiên cứu về giáo dục dân tộc thiểu số của nước ngoài
- Các nghiên cứu về khu vực miền núi phía Bắc có liên quan

Từ tổng quan tình hình nghiên cứu trên, có thể thấy rằng:

Về lý luận, các nghiên cứu trên đã làm rõ một số vấn đề lý luận liên quan đến quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số. Về thực tiễn, các nghiên cứu đã chỉ ra những thực trạng trên các vấn đề về giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số trên cả nước, cụ thể ở khu vực miền núi phía Bắc. Nhìn chung, các nghiên cứu này rất có giá trị đối với Nghiên cứu sinh trong quá trình hoàn thành Luận án. Tuy nhiên, những nghiên cứu này mới chỉ đề cập đến một số khía cạnh liên quan đến quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc: (1) Các nghiên cứu đa số đề cập đến chính sách giáo dục dân tộc thiểu số; (2) Góc độ quản lý nhà nước trong các nghiên cứu cũng được đề cập nhưng không trực tiếp; (3) Các nghiên cứu chưa đưa ra được hệ thống giải pháp quản lý nhà nước một cách hệ thống, toàn diện trên các mặt thể chế, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực quản lý, quản lý tài chính công, cơ chế kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Có thể thấy rằng, hiện chưa có nghiên cứu nào toàn diện, đầy đủ về quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc ở cấp độ Luận án tiến sĩ, ở đó đưa ra hệ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng, đề xuất hệ thống giải pháp quản lý đồng bộ. Chưa có nghiên cứu nào gắn kết những đặc thù trong giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số với đặc thù của khu vực miền núi phía Bắc để đặt ra những nét riêng cần lưu tâm trong công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này. Chính vì thế cần có một nghiên cứu chuyên sâu để giải quyết tất cả những yêu cầu đó.

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, tác giả cho rằng Luận án cần giải quyết những vấn đề sau:

- Hệ thống hóa, làm sáng tỏ cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về giáo dục, giáo dục phổ thông, quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, vai trò của nhà nước trong phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số. Tìm hiểu sự tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, nêu bật những điểm đặc thù của giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, làm cơ sở cho việc xác định những nét riêng về phương pháp quản lý cũng như những kiến nghị về giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- Phân tích thực tiễn quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc, đặt hoạt động giáo dục phổ thông của vùng trong bối cảnh chung của cả nước cũng như của các vùng dân tộc thiểu số khác để thấy những điểm đặc thù.

- Trên cơ sở những đánh giá riêng về hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc, đề xuất những giải pháp quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trên các mặt thể chế, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, cơ chế tài chính, cơ chế kiểm soát,...

Chương 2

CƠ SỞ KHOA HỌC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

2.1. Giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số và quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

2.1.1. Khái niệm giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

Giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số là giáo dục ở bậc học phổ thông xét trong phạm vi vùng dân tộc thiểu số. Với cách tiếp cận của luận án, vùng dân tộc thiểu số được xét ở quy mô cấp tỉnh, giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số là giáo dục phổ thông có các nội dung, hoạt động đặc thù xoay quanh đối tượng đặc biệt là học sinh vùng dân tộc thiểu số.

2.1.2. Quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

2.1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

Theo tác giả, *quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số là sự tác động, điều chỉnh thường xuyên của nhà nước bằng quyền lực nhà nước*

đối với toàn bộ hoạt động giáo dục phổ thông của vùng dân tộc thiểu số, trên cơ sở kết hợp giữa quản lý nhà nước theo ngành và theo lãnh thổ, phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của vùng dân tộc thiểu số, bảo đảm hình thức, nội dung và chất lượng giáo dục theo mục tiêu giáo dục phổ thông.

2.1.2.2. Những đặc thù trong quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

a. Về chủ thể quản lý

Chủ thể quản lý nhà nước là Nhà nước – một chủ thể đặc biệt, một tổ chức đặc biệt. Với giáo dục phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số, tính đặc biệt của chủ thể Nhà nước biểu hiện ở chỗ Nhà nước quản lý vĩ mô thông qua chính sách, pháp luật, hướng hoạt động giáo dục phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số theo định hướng của mình, nhằm hướng tới mục tiêu mà Nhà nước định ra, đồng thời, Nhà nước cũng là chủ thể cung ứng trực tiếp và duy nhất dịch vụ giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số .

b. Về đối tượng quản lý

Đối tượng quản lý của hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục dân tộc thiểu số là hệ thống trường học, cơ sở đào tạo, chương trình, giáo trình, giáo viên, nhân viên và học sinh trong các cơ sở đào tạo giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số ,... với nhiều điểm riêng biệt như trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, lớp ghép,...), sách giáo khoa, chương trình học song ngữ: bằng tiếng dân tộc và tiếng Việt... khiến cho phương thức tổ chức, quản lý cũng mang những điểm đặc thù nhằm đạt được hiệu lực, hiệu quả.

c. Về khách thể quản lý

Hoạt động dạy và học của thầy, trò trong hệ thống giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số mang đầy đủ những đặc điểm cơ bản như trong cả nước nhưng lại có nhiều nét riêng bởi nó không chỉ đơn thuần là hoạt động truyền đạt và thu nhận kiến thức, nó còn là sự giao tiếp, giao lưu về văn hóa, ngôn ngữ, phân luồng cho từng cấp học, tham gia sinh hoạt đời sống tập thể,...Việc đánh giá hoạt động dạy, học của thầy và trò, vì thế, có thể được tiến hành trên cơ sở những tiêu chí riêng biệt, đặc thù so với chuẩn chung của cả nước.

2.1.2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

- Quan điểm của Đảng về công tác dân tộc.
- Yếu tố pháp lý

- Năng lực quản lý nhà nước đối với giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số - Phương thức, cách thức quản lý nhà nước đối với giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

- Những đặc thù về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số

- Yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc thiểu số và quốc gia thời kì hội nhập

2.2. Sự cần thiết của quản lý nhà nước đối với giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

2.2.1. Thực hiện chức năng của Nhà nước

Nhà nước có hai chức năng cơ bản là chức năng quản lý và chức năng phục vụ. Đối với giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, bằng sự quản lý của mình, Nhà nước thực hiện vai trò là người định hướng, khuyến khích, thúc đẩy, hỗ trợ, điều tiết,... thông qua hàng loạt các nội dung quản lý. Với chức năng phục vụ, Nhà nước là người trực tiếp cung ứng các dịch vụ giáo dục, xây dựng một hệ thống các cơ sở giáo dục với những ưu tiên, hỗ trợ, nhằm đảm bảo quyền học tập bình đẳng cho con em đồng bào dân tộc thiểu số.

2.2.2. Đảm bảo mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài vùng dân tộc thiểu số

Giáo dục vốn mang trong mình vai trò, ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của xã hội, đó là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chính vì thế, quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số là một sự khẳng định chắc chắn hơn nữa mục đích, mục tiêu quan trọng này.

2.2.3. Đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục

Xuất phát từ tính đặc thù của giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, Nhà nước đảm nhận việc trực tiếp cung ứng và quản lý bằng những chính sách riêng, đặc biệt, ưu tiên hơn để đảm bảo công bằng xã hội, giúp giáo dục của vùng có cơ hội và điều kiện phát triển như những vùng miền thuận lợi khác.

2.2.4. Góp phần duy trì và phát triển văn hóa vùng dân tộc thiểu số

Với sự lồng ghép, thiết kế những nét văn hóa truyền thống đa dạng mà đặc sắc của đồng bào các dân tộc vào nội dung học tập, sinh hoạt ngoại khóa của học sinh, hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục vùng dân tộc thiểu số đã cùng cố con đường bền vững nhất để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa này trong cộng đồng.

2.3. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

2.3.1. Xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số

Để có thể phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, Nhà nước có một “tầm nhìn” thông qua việc xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch cho giáo dục thông vùng dân tộc thiểu số. Những lộ trình trong tương lai được vạch ra là chiến lược, các quy hoạch, kế hoạch sẽ cụ thể hóa các chiến lược đó vào thực tiễn, trên cơ sở sự cân đối giữa thực trạng và mong muốn trong thời gian tới, sự hài hòa giữa các mục tiêu của ngành giáo dục với các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội với khả năng đáp ứng của hệ thống quản lý,...

2.3.2. Xây dựng và thực hiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số là hành lang pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước và các chủ thể trong đó vận hành. Đây là những quy định, chuẩn mực thể hiện sự ưu tiên, tác động, những hỗ trợ tích cực từ phía Nhà nước cho việc dạy và học của thầy trò nơi đây.

2.3.3. Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

Trên cơ sở xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước, các chủ thể dễ dàng, thuận lợi trong việc quản lý cũng như phối hợp với nhau để đạt được hiệu quả cao nhất. Do đặc thù của giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, vai trò của Nhà nước là chính yếu, bộ máy quản lý nhà nước cần được tổ chức khoa học, gọn nhẹ, đáp ứng yêu cầu quản lý.

2.3.4. Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý giáo viên phổ thông và cán bộ, công chức quản lý giáo dục vùng dân tộc thiểu số

Để giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số phát triển, cả đội ngũ cán bộ, công chức quản lý giáo dục và giáo viên đều cần có năng lực tốt trong thực thi công việc. Điều này cần được chuẩn hóa ngay từ khâu tuyển dụng lẫn sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng,... để thích ứng tốt với bối cảnh xã hội đang ngày càng thay đổi.

2.3.5. Quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

Để nguồn lực vật chất rất lớn từ nguồn ngân sách quốc gia, ngân sách địa phương cũng như sự hỗ trợ từ nguồn xã hội hóa phục vụ đắc lực và hiệu quả cho việc dạy và học của thầy trò vùng dân tộc thiểu số, khâu quản lý tài chính cần

phải được chú trọng để vừa tránh lãng phí, thất thoát, sai mục đích vừa đảm tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế.

2.3.6. Quản lý tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục, đặc biệt là cơ sở giáo dục chuyên biệt vùng dân tộc thiểu số

Bên cạnh hệ thống các trường phổ thông nói chung, việc thiết lập, vận hành, duy trì hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, việc chuyển đổi, xây dựng mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú, đặc biệt là các lớp ghép, lớp cắm bản, các điểm trường,... là cần thiết để tạo môi trường phù hợp cho giáo dục vùng dân tộc thiểu số .

2.3.7. Quản lý chương trình, nội dung giáo dục đặc thù, dạy tiếng dân tộc, dạy tiếng Việt cho học sinh phổ thông vùng dân tộc thiểu số

Song song với việc quản lý chung như cả nước, giáo dục vùng dân tộc thiểu số có thêm những nội dung giáo dục đặc thù cho học sinh người dân tộc thiểu số như dạy tiếng Việt, tiếng dân tộc, hướng nghiệp, lồng ghép các nội dung văn hóa dân tộc thiểu số , sinh hoạt tập thể vào nội dung học tập,... giúp các em học sinh dễ dàng hơn trong tiếp cận các nội dung học tập, kiến thức sách vở trong nhà trường, đồng thời cũng là cách để gìn giữ ngôn ngữ, bản sắc văn hóa dân tộc qua các thế hệ học sinh.

2.3.8. Tổ chức, quản lý việc bảo đảm chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số

Đối với giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số, đảm bảo chất lượng giáo dục như thế nào, kiểm định chất lượng giáo dục ra sao để hoạt động này đi vào thực chất, giúp các cơ quan quản lý và các cơ sở đào tạo nhìn nhận, đánh giá đúng thực trạng để có những giải pháp nâng cao.

2.3.9. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

Một là, thanh tra, kiểm tra tạo cơ sở đánh giá về sự phù hợp của những chính sách, biện pháp quản lý, đánh giá hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số .

Hai là, giúp biểu dương những điển hình tiên tiến để khen thưởng, học tập kinh nghiệm cũng như phát hiện những sai phạm để kịp thời xử lý.

2.4. Kinh nghiệm của một số quốc gia trong quản lý giáo dục vùng dân tộc thiểu số

Tác giả tìm hiểu kinh nghiệm của Trung Quốc, Australia, Malaysia trong quản lý giáo dục dành cho người dân tộc thiểu số, cho thấy sự chủ động, tích cực của các Chính phủ trong việc ưu tiên chăm lo giáo dục cho người dân tộc thiểu số

bằng hàng loạt những chính sách ưu tiên với những lộ trình cụ thể. Qua đó, thông qua những kinh nghiệm, thành công của các nước đó, xem xét sự phù hợp với điều kiện nước ta, tác giả rút ra những bài học cho Việt Nam.

Thứ nhất, xác định mục tiêu của các chính sách ưu đãi trong giáo dục cho người dân tộc thiểu số .

Thứ hai, xác định các điều kiện đi kèm trong các quy định

Thứ ba, sự phối hợp của các bên đối tác và quá trình xã hội hóa trong quản lý giáo dục cho người dân tộc thiểu số

Thứ tư, tăng cường sự tham gia của đại diện người dân tộc thiểu số vào quá trình xây dựng và thực thi chính sách giáo dục dành cho họ

Thứ năm, phát triển hệ thống trường dành riêng cho học sinh dân tộc thiểu số.

Thứ sáu, lồng ghép các hoạt động sinh hoạt văn hóa, phong tục truyền thống để giúp bảo tồn bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số.

Chương 3

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

3.1. Khái quát vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc

Khu vực Miền núi phía Bắc gồm 14 tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái (thuộc Tây Bắc); Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Bắc Giang (thuộc Đông Bắc). Do địa hình có đường biên giới trải dài, giáp với Trung Quốc, Lào, đây được xác định là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Những điểm đặc thù điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã này của Vùng biểu hiện ở cả phương diện tích cực và tiêu cực đều có ảnh hưởng đến việc phát triển giáo dục cũng như hoạt động quản lý giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc.

3.2. Thực trạng giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

3.2.1. Về quy mô giáo dục

Trong những năm qua, quy mô giáo dục của Vùng đã có những thay đổi và cải thiện đáng kể phần nào đáp ứng được yêu cầu dạy và học của thầy, trò song còn chưa tương xứng với yêu cầu phát triển như hệ thống trường lớp, điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, hạn chế, tiến độ chuyển đổi và thành lập các

trường PTDT bán trú của một số tỉnh còn chậm, đội ngũ giáo viên vừa thiếu vừa yếu,... khiến cho học sinh chưa có được điều kiện tốt để học tập.

3.2.2. Về chất lượng giáo dục

Mặc dù đã có những dấu hiệu được nâng lên trong những năm qua, song nhìn chung, chất lượng giáo dục còn thấp chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu mới về hội nhập như tỷ lệ học sinh yếu kém còn cao, tỷ lệ học sinh lưu ban còn đáng báo động, phổ cập giáo dục ở các cấp học chưa đảm bảo tính bền vững, số lượng học sinh bỏ học, tỷ lệ mù chữ cao, thậm chí có những tỉnh cao nhất cả nước.

3.3. Thực trạng quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

3.3.1. Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

Với riêng giáo dục dành cho người dân tộc thiểu số, Bộ Giáo dục đã ban hành Phương hướng phát triển giáo dục dân tộc thiểu số giai đoạn 2008- 2020 nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung của giáo dục vùng dân tộc thiểu số, trong đó có vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc. Tính đến đặc thù vùng, miền trong quản lý nhà nước, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2013 về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh vùng trung du, miền núi phía Bắc và các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa, Tỉnh Nghệ An giai đoạn 2013- 2020, trong đó chỉ rõ những mục tiêu và giải pháp phù hợp với đặc thù, thực trạng giáo dục và quản lý giáo dục của vùng.

3.3.2. Xây dựng và thực hiện hệ thống văn bản pháp luật và chính sách phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

Hệ thống chính sách giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số tương đối phong phú về số lượng văn bản, đa dạng về các nhóm nội dung chính sách và được thực hiện khá thống nhất và toàn diện do có sự chỉ đạo quyết liệt của trung ương, sự tích cực trong quản lý giáo dục theo Vùng và cũng đã có sự chủ động, nhất định từ phía địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi chính sách, còn bộc lộ một số bất cập như:

Một là, việc thực thi một số chính sách còn chưa bảo đảm tính bền vững.

Hai là, sự thống nhất giữa trung ương với địa phương, sự phối hợp giữa các cơ quan cấp trung ương, giữa các địa phương với nhau trong thực thi chính sách còn chưa thực sự tốt.

Ba là, việc triển khai trên thực tế một số chính sách của một số địa phương còn cứng nhắc, thiếu linh hoạt cho phù hợp với những điều kiện thực tế của từng tộc người, vùng miền.

Bốn là, một số nội dung chính sách đã bộc lộ nhiều điểm chưa phù hợp...

3.3.3. Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc

Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục vùng dân tộc thiểu số được đặt trong bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo từ trung ương (Vụ Giáo dục dân tộc - thuộc Bộ Giáo dục và đào tạo) đến địa phương (14 Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh trong Vùng), cũng như trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

Tuy nhiên, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục dân tộc còn chưa hoàn thiện. Chỉ có 6 trong tổng số 14 Sở Giáo dục và Đào tạo đã thành lập Phòng Giáo dục dân tộc là đầu mối quản lý lĩnh vực (gồm Yên Bái, Lào Cai, Bắc Cạn, Hà Giang, Cao Bằng, Hòa Bình) dù có thể kết hợp với các chức năng quản lý khác), 8 địa phương còn lại chỉ phân công có cán bộ kiêm nhiệm làm đầu mối quản lý, do đó quản lý chưa hiệu quả, gặp nhiều vướng mắc. Hoạt động phối hợp, thông tin giữa Bộ- Sở- Phòng Giáo dục và Đào tạo với các cơ sở đào tạo giáo dục dân tộc thiểu số còn chưa thông suốt.

3.3.4. Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ, công chức quản lý giáo dục vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

Bên cạnh một số kết quả đạt được như xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ, công chức quản lý giáo dục, thực hiện các chính sách, chăm lo đào tạo bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, chú trọng, quan tâm phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, ..., việc quản lý, phát triển nguồn nhân lực giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc còn chưa được thực hiện tốt. Điều này dẫn tới thực trạng là đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về giáo dục dân tộc vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng, chưa đủ đáp ứng yêu cầu của thực tiễn quản lý.

3.3.5. Quản lý các nguồn lực phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

Với việc thực hiện khá chặt chẽ, bước đầu việc quản lý sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cũng như tăng cường xã hội hóa đã phần nào đạt hiệu quả. Tuy nhiên, còn một số hạn chế:

Một là, các nguồn lực chưa tương xứng với nhu cầu phát triển mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất;

Hai là, chế độ lương, phụ cấp cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục còn chưa tạo động lực;

Ba là, sự bất cập thiếu hợp lý còn tồn tại ở một số nội dung như cơ cấu phân bổ kinh phí chưa hợp lý, chế độ quản lý dự án ở trung ương và địa phương chưa phù hợp, đôi chỗ còn sử dụng nguồn kinh phí chưa thực sự hiệu quả...

3.3.6. Quản lý tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục, đặc biệt là cơ sở giáo dục chuyên biệt Vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

Các tỉnh đã xây dựng một hệ thống trường lớp khá hoàn thiện phục vụ học tập cho học sinh vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt là hệ thống các trường chuyên biệt như trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú.

Tuy nhiên, việc quản lý các trường chuyên biệt còn gặp nhiều khó khăn, chưa thực sự đạt hiệu quả cao như việc chuyển đổi các trường tiểu học, trung học cơ sở sang trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú cũng gặp nhiều vướng mắc, mạng lưới, quy mô trường PTDTNT ở một số địa phương chưa được quy hoạch phù hợp, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Với khoảng 250 trường chuyên biệt dành cho học sinh dân tộc thiểu số (chiếm một tỷ lệ quá nhỏ so với số các trường phổ thông trong Vùng), môi trường học tập thực sự phù hợp cho con em đồng bào dân tộc thiểu số còn rất hạn chế trên thực tế.

3.3.7. Quản lý chương trình, nội dung giáo dục đặc thù, dạy tiếng dân tộc, dạy tiếng Việt của giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc

Các địa phương đã đẩy mạnh việc dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, dạy tiếng dân tộc thiểu số ho hai đối tượng là học sinh phổ thông và cán bộ, giáo viên công tác tại Vùng cũng như thực hiện tốt các nội dung giáo dục đặc thù. Tuy nhiên một số bất cập có thể chỉ ra là:

Thứ nhất, việc triển khai dạy tiếng dân tộc cho học sinh người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc đang ở mức độ thấp hơn các vùng dân tộc thiểu số khác do đặc thù phân bố dân cư, điều kiện tự nhiên của vùng.

Thứ hai, chương trình phổ cập giáo dục và Chương trình Chống mù chữ chưa đạt được sự ổn định, bền vững, với tỷ lệ người mù chữ cao nhất cả nước.

3.3.8. Quản lý chất lượng giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

Mặc dù đã có những nỗ lực nhằm tập trung nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, song nhìn chung, chất lượng giáo dục là khâu yếu nhất của giáo dục vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc trên bình diện toàn vùng. Hoạt động quản lý, kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông của Vùng là hoạt động khó khăn, còn nhiều hạn chế.

Thứ nhất, chất lượng giáo dục phổ thông của Vùng còn thấp so với trung bình cả nước.

Thứ hai, tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học ở các vùng có đông học sinh dân tộc thường cao hơn tỉ lệ chung của cả nước.

3.3.9. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

Các tỉnh đã có những nỗ lực rất lớn trong việc củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, song còn một số tồn tại: một số tỉnh chưa đạt tỷ lệ biên chế thanh tra theo quy định, chưa có thanh tra viên có chuyên môn về tài chính, tỷ lệ thanh tra hoạt động sự phạm của nhà giáo còn thấp, hoạt động còn mang tính hình thức, chiếu lệ, chưa phát huy được hết vai trò của nó trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục.

3.4. Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

3.4.1. Những mặt đạt được

Những kết quả đáng ghi nhận trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc là đã xây dựng và tổ chức thực hiện thống nhất, nghiêm túc quy hoạch, kế hoạch, hệ thống chính sách phát triển giáo dục ngày càng đồng bộ, hoàn thiện. Bộ máy tổ chức quản lý nhà nước và nguồn nhân lực quản lý cũng dần được hình thành ổn định. Sự quản lý trên các mặt đặc thù dần đi vào nề nếp. Việc phát triển, quản lý các nguồn lực vật chất cho giáo dục không ngừng được quan tâm, đầu tư. Hoạt động thanh tra, kiểm tra giáo dục được tăng cường đem lại những chuyển biến tích cực cho chất lượng giáo dục phổ thông trong Vùng.

3.4.2. Những mặt hạn chế

Việc triển khai, thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc đã và đang còn nhiều điểm chưa hợp lý, thiếu thống nhất. Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục còn nhiều vướng mắc, nhất là tổ chức đầu mối quản lý giáo dục vùng dân tộc thiểu số. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng, dẫn đến những bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu của quản lý. Việc phát triển hệ thống các trường chuyên biệt còn chưa được đẩy mạnh tương xứng với nhu cầu thực tiễn, việc tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục đặc thù cho học sinh người dân tộc còn chưa tốt. Hoạt động thanh tra, kiểm tra còn chưa phát huy tác dụng mạnh mẽ. Vì vậy, chất lượng giáo dục phổ thông dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước.

3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

3.4.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, khí hậu khắc nghiệt, bất lợi,... gây khó khăn cho việc dạy và học của thầy, trò trong Vùng.

- Cơ sở hạ tầng yếu kém, thiếu đồng bộ chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu học tập của học sinh cũng như hoạt động dạy học của giáo viên.

- Đời sống kinh tế - xã hội của đại bộ phận dân cư rất khó khăn với tỷ lệ hộ nghèo cao nhất cả nước là cản trở lớn, dẫn đến sự thiếu bình đẳng trong tiếp cận cơ hội học tập và thụ hưởng các giá trị văn hóa, tinh thần; gia tăng khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa Vùng với bình quân cả nước.

- Trình độ dân trí thấp, nhận thức của người dân còn hạn chế khiến cho các em không được tạo những điều kiện thuận lợi để đến trường.

- Rào cản từ những phong tục tập quán, truyền thống văn hóa lạc hậu như tảo hôn, tập quán du canh, du cư,... dẫn đến việc học sinh đi học không chuyên cần, bỏ học giữa chừng, lưu ban, mù chữ,... thường cao hơn tỷ lệ chung của cả nước.

- Rào cản về mặt ngôn ngữ như tỷ lệ giáo viên là người địa phương và người dân tộc thiểu số còn thấp, sự bất đồng ngôn ngữ, thiếu hiểu biết về tâm sinh lý học sinh dân tộc, khiến giáo viên chưa có được phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh làm cho chất lượng dạy học vẫn còn nhiều hạn chế.

3.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Tư duy và cơ chế quản lý của nhà nước đối với giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số còn nhiều điểm chưa hợp lý như: bệnh hình thức, bệnh thành tích còn đậm nét, còn tình trạng buông lỏng quản lý ở một số khâu, một số địa phương, sự trông chờ, ỷ lại còn khá nặng nề, chương trình, sách giáo khoa còn nhiều điểm bất hợp lý, dung lượng kiến thức còn nặng nề, thậm chí xa lạ với đặc điểm của học sinh người dân tộc thiểu số, gây khó khăn trong tiếp nhận.

- Hoạt động quản lý nhà nước đối với giáo dục dân tộc chưa được quan tâm đúng mức. Bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục dân tộc chậm được hình thành. Nhiều địa phương còn đang quản lý theo phương thức “giải quyết tình thế” vì những giới hạn bởi vấn đề biên chế và tổ chức, gây nên tình trạng khó khăn, vướng mắc.

- Cơ chế phối hợp, thông tin giữa các cấp quản lý từ cấp trung ương với địa phương, cấp trên với cấp dưới và phối hợp ngang cấp, thông qua các đầu mối quản lý còn nhiều yếu kém, chưa chặt chẽ, sâu sát và thông suốt. Thông tin về giáo dục dân tộc chưa được tổ chức hợp lý, hệ thống, liên tục.

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc còn có biểu hiện chiếu lệ, hình thức, xử lý một số sai phạm chưa đủ sức răn đe nên chưa thực sự phát huy tác dụng trong nâng cao hiệu quả quản lý.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

4.1. Quan điểm, phương hướng và nhiệm vụ phát triển

4.1.1. Quan điểm của Đảng về giáo dục vùng dân tộc thiểu số

Đảng và Nhà nước dành sự quan tâm đặc biệt cho phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số. Văn kiện Đại hội Đảng X của Đảng đưa ra quan điểm chỉ đạo: *“Nhà nước tăng đầu tư tập trung cho các mục tiêu, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo”*. Đây được coi như là một trong những nhiệm vụ trọng yếu của cả hệ thống chính trị.

Quản lý nhà nước đối với giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số cũng cần được quan tâm, đổi mới, hoàn thiện để phát triển giáo dục cho đồng bào dân tộc. Cho nên, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã chỉ ra: *“Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, ..., đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến sự quản trị của các cơ sở giáo dục đào tạo”*.

Do vậy, quan điểm của Đảng là dành sự quan tâm, ưu tiên đặc biệt cho giáo dục vùng dân tộc thiểu số nhưng giáo dục vùng dân tộc thiểu số cũng phải được đặt trong xu hướng đổi mới giáo dục toàn diện để là một bộ phận thống nhất của giáo dục Việt Nam nói chung.

4.1.2. Phương hướng và nhiệm vụ phát triển giáo dục dân tộc thiểu số đến năm 2020

4.1.2.1. Phương hướng phát triển giáo dục dân tộc thiểu số ở nước ta giai đoạn 2008-2020

Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở đào tạo, chương trình, nguồn nhân lực giáo dục, đầu tư ngân sách cho giáo dục vùng dân tộc thiểu số, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục...

4.1.2.2. Nhiệm vụ đối với giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2008-2020

- Phát triển mạng lưới trường phổ thông các cấp, đặc biệt là trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú,...

- Đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng toàn diện học sinh, cải thiện khả năng sử dụng tiếng Việt cho học sinh dân tộc. Duy trì các nội dung giáo dục văn hóa đặc thù trong trường học.

- Đảm bảo các điều kiện công tác và dạy học cho cán bộ, giáo viên, học sinh. Có các chính sách hợp lý hỗ trợ cho người dạy và người học.

4.1.2.3. Mục tiêu, nhiệm vụ đối với giáo dục phổ thông khu vực Miền núi phía Bắc (theo Quyết định 1379/QĐ-TTg ngày 12.8.2013 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh vùng trung du, miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2013 – 2020)

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc

4.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật, chiến lược, kế hoạch phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

4.2.1.1. Mục đích của nhóm giải pháp

4.2.1.2. Nội dung của nhóm giải pháp

*Giải pháp 1: Hệ thống tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện thể chế, chính sách giáo dục vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc

- Hệ thống hóa các chính sách giáo dục đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đề đề xuất những chính sách mới cần ban hành, những quy định lạc hậu, không phù hợp cần sửa đổi hay bãi bỏ.

- Tích hợp các chính sách có liên quan đến chính sách giáo dục dân tộc thiểu số như: chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển văn hóa, y tế, chính sách nguồn nhân lực,... thành hệ thống để đảm bảo những chính sách đó phù hợp và hỗ trợ tích cực, trực tiếp, đặc biệt đối với các chính sách giáo dục theo hướng nhất quán các đối tượng được hưởng và gộp lại các chính sách, tránh chồng chéo.

*Giải pháp 2. Nâng cao chất lượng hoạt động hoạch định, ban hành và thực thi chính sách, kế hoạch giáo dục dân tộc thiểu số nhằm hướng tới một hệ thống chính sách, kế hoạch giáo dục khả thi, đồng bộ

4*Giai pháp 3. Đổi mới một số nội dung chính sách theo hướng: Quy định rõ về một số đối tượng, cơ chế trách nhiệm, cam kết được hưởng ưu tiên trong giáo dục dân tộc, thực hiện chính sách ưu tiên theo địa chỉ sử dụng, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo đặc thù...

***Giải pháp 4.** Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong xây dựng và thực hiện chính sách trên cơ sở nêu cao và phân công rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan

4.2.2. Nhóm giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc

4.2.2.1. Mục đích của nhóm giải pháp

4.2.2.2. Nội dung của nhóm giải pháp

***Giải pháp 1:** Đối với cấp trung ương

Thống nhất quyền hạn và nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Vụ Giáo dục dân tộc (Bộ Giáo dục và đào tạo) đối với giáo dục dân tộc thiểu số. Tăng cường mối quan hệ, sự phối hợp của Vụ Giáo dục dân tộc đối với đơn vị, cơ quan có liên quan cũng như đảm bảo hệ thống thông tin quản lý giáo dục thông suốt từ trung ương đến địa phương;

***Giải pháp 2.** Đối với cấp địa phương

Một là, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý giáo dục dân tộc tại các Sở Giáo dục và Đào tạo theo hướng chính thức hóa đầu mỗi quản lý (thành lập Phòng Giáo dục Dân tộc, ghép bộ phận này với các phòng khác) bảo đảm mỗi sở Giáo dục và Đào tạo có bộ phận đầu mối quản lý, chỉ đạo chính thức về giáo dục dân tộc của địa phương. Tại cấp huyện, nên cử 01 lãnh đạo phòng Giáo dục và đào tạo phụ trách công tác giáo dục dân tộc, cử 01 cán bộ chuyên môn phụ trách giáo dục dân tộc.

Hai là, phân cấp cho địa phương, tăng thẩm quyền cho địa phương chủ động trong quản lý.

Ba là, tăng cường tính phối hợp giữa các các đơn vị, cơ quan, địa phương trong quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc nhằm đảm bảo sự thông suốt, hiệu lực và hiệu quả.

Bốn là, đẩy mạnh công tác thông tin giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4.2.3. Nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước về giáo dục vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc

4.2.3.1. Mục đích của nhóm giải pháp

4.2.3.2. Nội dung của nhóm giải pháp

***Giải pháp 1.** Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục dân tộc thiểu số

Quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ công chức quản lý nhà nước về giáo dục nói chung, giáo dục dân tộc thiểu số nói riêng cần được xây dựng trên quy mô cả nước cũng như trong khu vực miền núi phía Bắc.

*Giải pháp 2. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý giáo dục vùng dân tộc thiểu số

Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ công chức 2008; Chuẩn hóa giáo viên cần được thực theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2007; chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học được quy định tại Thông tư 30/2009/BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên ba phương diện (1) nâng cao phẩm chất chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, (2) chuẩn hóa trình độ chuyên môn thông qua đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, (3) rèn luyện, nâng cao kỹ năng sư phạm cho giáo viên.

*Giải pháp 3. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục vùng dân tộc thiểu số

Một là, xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ngành giáo dục vùng dân tộc thiểu số. Cần có sự thống nhất trong xác định tiêu chuẩn cán bộ, công chức, tiêu chuẩn tuyển sinh, chương trình, giáo trình, tài liệu,...

Hai là, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý giáo dục của các địa phương trong vùng.

Ba là, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn về nghề nghiệp, hợp lý về cơ cấu, có một tỷ lệ thích đáng là người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác cán bộ: Lựa chọn nguồn cán bộ tốt, có năng lực quản lý, có kinh nghiệm, hiểu biết về ngành giáo dục; Tăng cường hoạt động bồi dưỡng, nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng hành chính và quản lý nhà nước, quản lý giáo dục, kiến thức về dân tộc học, chú trọng công tác vận động cộng đồng tham gia giáo dục cho cán bộ quản lý.

*Giải pháp 4. Khai thác và sử dụng tốt nguồn nhân lực tại chỗ

Một là, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu. Quán triệt phương châm “Dân tộc nào có giáo viên người dân tộc đó” của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ưu tiên cử tuyển học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú vào trường sư phạm và gắn với địa chỉ sử dụng;

Hai là, tranh thủ sự tham gia của lực lượng bộ đội biên phòng với tư cách “Những người thầy áo xanh” tại các tỉnh biên giới.

Ba là, thực hiện tốt những chính sách, chế độ hỗ trợ, khuyến khích thích hợp, có các biện pháp giúp thúc đẩy sự hòa nhập đối với đội ngũ những giáo viên, cán bộ quản lý ngành giáo dục công tác tại vùng dân tộc để họ ổn định cuộc sống, gắn bó lâu dài với sự nghiệp giáo dục vùng miền núi.

4.2.4. Nhóm giải pháp thu hút và quản lý các nguồn lực cho phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc

4.2.4.1. Mục đích của nhóm giải pháp

4.2.4.2. Nội dung của nhóm giải pháp

***Giải pháp 1. Thu hút các nguồn lực cho hoạt động giáo dục dân tộc thiểu số**

Một là, nguồn ngân sách nhà nước: Tăng nguồn chi ngân sách hàng năm cho giáo dục dân tộc thiểu số; Sớm thông qua đề án cải cách tiền lương cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, trong đó có giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục vùng dân tộc có thể đủ sống bằng lương; kết hợp giữa ngân sách trung ương và địa phương vào đầu tư một số nội dung trọng điểm

Hai là, nguồn ngoài ngân sách: Tăng cường huy động, thu hút nguồn tài chính ngoài ngân sách cho hoạt động giáo dục dân tộc bằng hình thức xã hội hóa trong và ngoài nước.

***Giải pháp 2. Tăng cường hiệu quả quản lý các nguồn lực cho phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc**

Một là, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, các cấp, các ngành trong việc đề xuất, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát chương trình, dự án, ưu đãi, hỗ trợ đối với sự phát triển kinh tế- xã hội nói chung và sự nghiệp giáo dục dân tộc nói riêng để phát huy sức mạnh, tăng tính hiệu quả, giảm chồng chéo, trùng lặp.

Hai là, việc hỗ trợ nguồn ngân sách trung ương cho các địa phương: đề nghị cấp đủ 100% vốn đầu tư theo đơn giá xây dựng thực tế đối với các tỉnh miền núi;

Ba là, tập trung nguồn lực vào việc củng cố hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú theo quy hoạch phù hợp với nhu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số của các địa phương, chăm lo phát triển nhà công vụ.

4.2.5. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức về phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc

4.2.5.1. Mục đích của nhóm giải pháp

4.2.5.2. Nội dung của nhóm giải pháp

***Giải pháp 1. Đẩy mạnh, nâng cao vai trò của các chủ thể trong tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin**

Một là, đẩy mạnh, thực hiện thường xuyên việc tuyên truyền về việc dạy và học cho người dân tộc thiểu số, về những chính sách giáo dục phổ thông đối với vùng dân tộc thiểu số của Nhà nước và của địa phương, giúp người dân nâng cao hiểu biết.

Hai là, phát huy vai trò của các chủ thể tuyên truyền như các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể và các tổ chức xã hội, giáo viên (đặc biệt là giáo viên người dân tộc thiểu số), học sinh, chiến sĩ quân đội, mỗi cán bộ Hội (Phụ nữ, Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên)....

***Giải pháp 2.** Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Một là, các hình thức tuyên truyền cần được phong phú, đa dạng hóa như phá, lồng ghép linh hoạt nội dung tuyên truyền vào các hình thức sinh hoạt văn hóa của đồng bào. Việc tuyên truyền phải rất cụ thể, dễ hiểu, dễ áp dụng, phải thực hiện kiên trì, nghiêm túc.

4.2.6. Nhóm giải pháp tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra về hoạt động giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

4.2.6.1. Mục đích của nhóm giải pháp

4.2.6.2. Nội dung của nhóm giải pháp

***Giải pháp 1:** Thực hiện thường xuyên, nghiêm túc việc thanh kiểm tra

Cần tiến hành thường xuyên, liên tục, rộng rãi và triệt để công tác thanh tra, kiểm tra; kết hợp giữa kiểm tra định kỳ với kiểm tra đột xuất, đảm bảo sự khách quan, đầy đủ, minh bạch, đúng đắn.

***Giải pháp 2.** Gắn thanh tra, kiểm tra với thi đua khen thưởng, kỉ luật

***Giải pháp 3.** Tăng cường phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra: giữa Trung ương với địa phương, giữa thanh tra hành chính với thanh tra chuyên ngành.

4.3. Khảo sát tính cần thiết và điều kiện bảo đảm thực hiện các giải pháp

4.3.1. Khảo sát tính cần thiết của các giải pháp

Kết quả khảo sát cho thấy, các giải pháp có tính cần thiết khá cao. Điều này thể hiện những mong muốn, yêu cầu từ thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số bằng những biện pháp cụ thể.

4.3.2. Điều kiện bảo đảm thực hiện giải pháp

4.3.2.1. Điều kiện về thể chế

4.3.2.4. Điều kiện về nguồn lực vật chất

4.3.2.2. Điều kiện về thông tin

4.3.2.5. Điều kiện về cơ chế phối hợp

4.3.2.3. Điều kiện về nguồn nhân lực

4.4. Một số khuyến nghị và những vấn đề đặt ra trong quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam

4.4.1. Một số khuyến nghị

4.4.1.1. Đối với Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan

- Sớm hoàn thiện hệ thống chính sách về giáo dục vùng dân tộc thiểu số là cơ sở để các cơ quan chức năng và các địa phương quản lý thêm hiệu quả.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: nghiên cứu, đề xuất thêm các chính sách đặc thù phù hợp với học sinh, sinh viên, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục dân tộc thiểu số của vùng Miền núi phía Bắc và hướng dẫn thực hiện;

- Bộ Nội vụ: phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ ngành liên quan đề xuất ban hành các chính sách mới đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các loại hình nhà trường.

4.4.1.2. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng

- Bảo đảm quỹ đất tối thiểu theo quy định cho các cơ sở giáo dục phổ thông, đặc biệt là hệ thống trường chuyên biệt;

- Ưu tiên bố trí, bổ sung nguồn lực địa phương, chủ động xây dựng chính sách đặc thù của địa phương

- Hoàn thành quy hoạch mạng lưới trường, lớp học phù hợp với đặc thù của từng địa phương và yêu cầu phát triển giáo dục dân tộc thiểu số giai đoạn 2008-2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo.

4.4.1.3. Đối với Ban Chỉ đạo Tây Bắc

Ban Chỉ đạo Tây Bắc phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương trong vùng chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục dân tộc thiểu số của vùng, và mục tiêu phát triển giáo dục nói chung của vùng theo Quyết định 1379/QĐ-TTg ngày 12.8.2013 về phát triển giáo dục đào tạo và dạy nghề các tỉnh vùng trung du miền núi phía Bắc và các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2013-2020.

4.4.2. Những vấn đề đặt ra trong quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam

- Quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số cần được đặt trong công tác dân tộc nói chung.

- Quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số phải căn cứ trên những đặc thù của điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội của từng vùng miền.

- Giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, cần bảo đảm tính thống nhất, đồng thời cả tính đặc thù khi quản lý, đảm bảo hài hòa giữa cái chung và cái riêng.

- Quản lý giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số phải đối mặt với nhiều thách thức là các vấn đề của nền kinh tế thị trường.
- Quản lý giáo dục phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số vừa bảo đảm bước nâng cao trình độ dân trí đồng thời đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng.
- Quản lý và phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc trên cơ sở kết hợp giữa Trung ương và địa phương.
- Xây dựng mỗi cơ sở giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số trở thành trung tâm giáo dục, văn hoá, khoa học của địa phương, khẳng định vai trò then chốt của giáo dục trong sự nghiệp phát triển đất nước.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu của Luận án, có thể rút ra một số kết luận sau:

Hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, trên các mặt từ chiến lược phát triển ngành đến hệ thống các chính sách ngày càng đồng bộ và hoàn thiện, tổ chức bộ máy dần được ổn định, sự quản lý trên các mặt đặc thù như nội dung giáo dục, chương trình sách giáo khoa, dạy tiếng dân tộc, quản lý hệ thống trường chuyên biệt,.. dần đi vào nề nếp, đem lại những chuyển biến tích cực cho chất lượng giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

Tuy nhiên, thực trạng cũng cho thấy những bất cập không nhỏ, nổi bật trên các phương diện. Hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam còn nhiều hạn chế đáng quan tâm như chất lượng giáo dục thấp so với trung bình cả nước, thậm chí thấp hơn các vùng dân tộc thiểu số khác, các kết quả không bền vững, hiệu quả quản lý chưa cao, các địa phương đôi khi còn chưa chủ động, tích cực, còn mang tính hình thức, dẫn tới kết quả chưa xứng với tiềm năng sẵn có và yêu cầu trên thực tế.

Sự hạn chế này trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân là những đặc thù, khó khăn trên các mặt vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội của vùng và cả những bất cập trong chính con người và cách thức quản lý.

Để có thể đạt được hiệu quả toàn diện trong quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, cần áp dụng đồng bộ, nghiêm túc và thường xuyên cả 6 nhóm giải pháp toàn diện trên các mặt, song cần tập trung vào giải pháp hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giáo dục và tăng cường đầu tư. Qua đó tăng cường chất lượng giáo dục của vùng, nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào, góp phần vào sự phát triển KT-XH của vùng và cả nước.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Phùng Thị Phong Lan (2011), *Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục dân tộc ít người ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Quản lý nhà nước. Học viện Hành chính, Số 9/2011, tr. 40 – 42.

2. Phùng Thị Phong Lan (2015), *Thực hiện chính sách giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc*, Tạp chí Quản lý nhà nước. Học viện Hành chính quốc gia. Số 2/2015, tr. 84 – 88.

3. Phùng Thị Phong Lan (2015), *Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*, Tạp chí Quản lý nhà nước. Học viện Hành chính quốc gia. Số 6/2015, tr. 84 – 87.